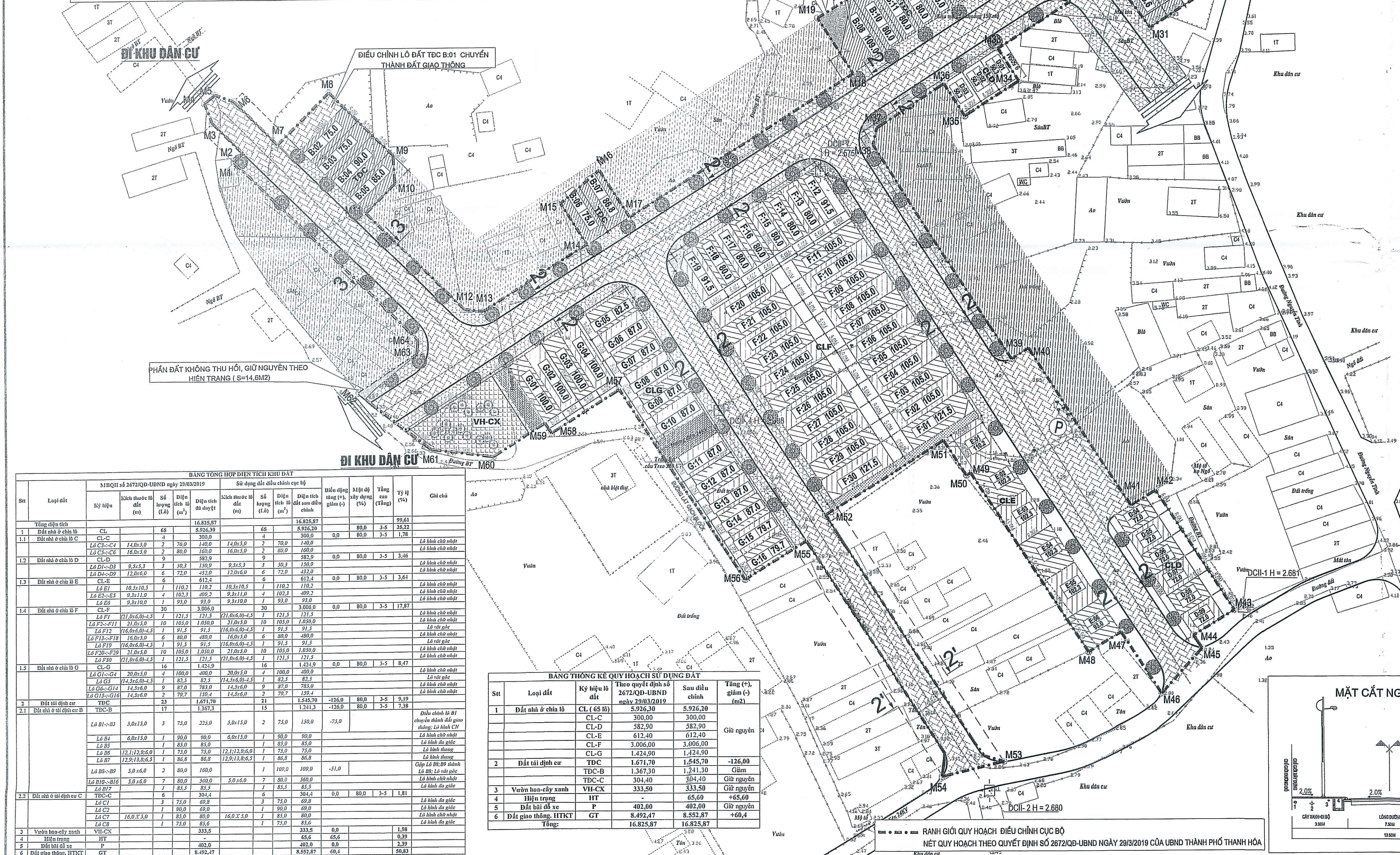
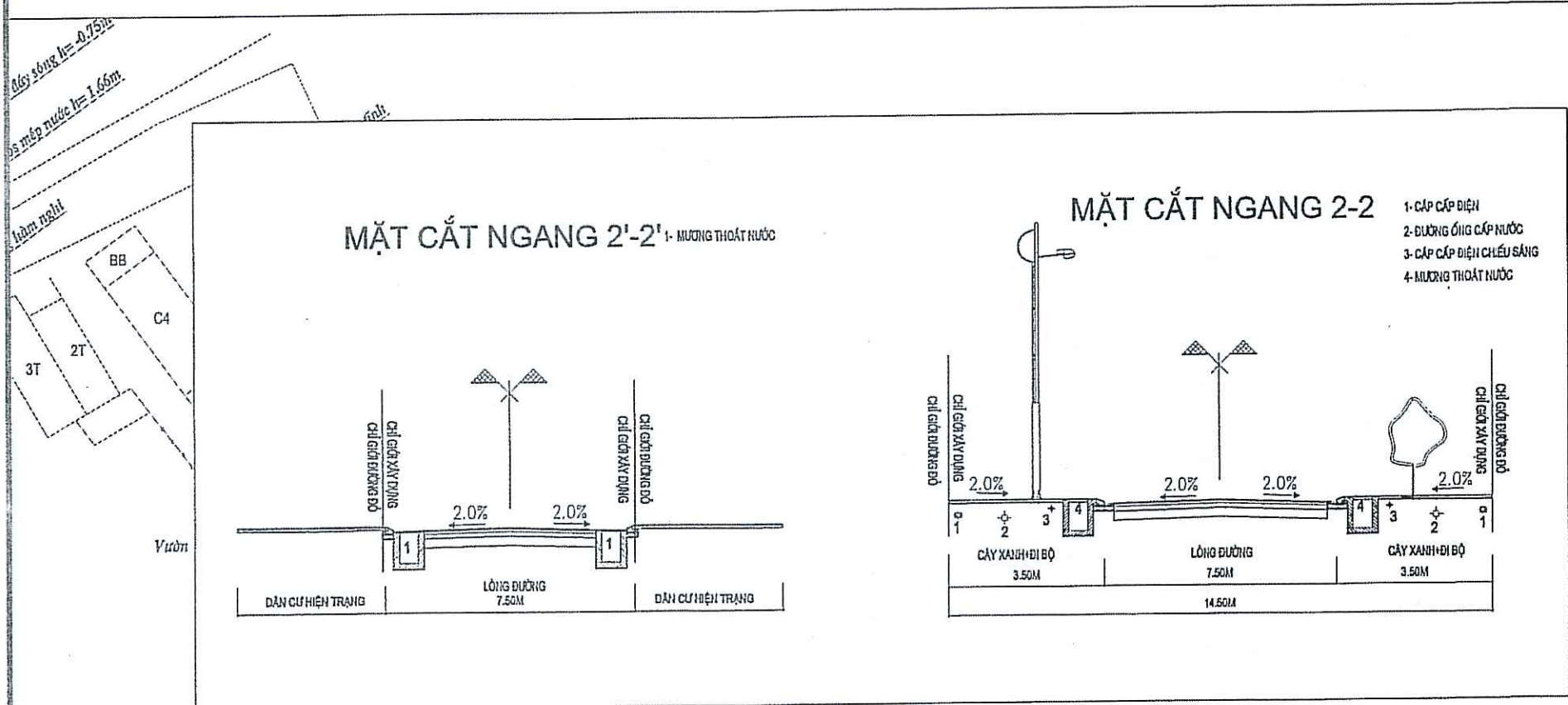


BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT							
STT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		STT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ	
1	M1	X = 662333.214	Y = 2191680.111	33	M33	X = 662922.006	Y = 2192008.935
2	M2	X = 662335.432	Y = 2191682.278	34	M34	X = 662827.197	Y = 2191698.938
3	M3	X = 662327.924	Y = 2191689.688	35	M35	X = 662813.807	Y = 2191690.354
4	M4	X = 662326.000	Y = 2191694.551	36	M36	X = 662808.676	Y = 2191698.349
5	M5	X = 662328.581	Y = 2191696.666	37	M37	X = 662814.879	Y = 2191687.509
6	M6	X = 662333.206	Y = 2191695.013	38	M38	X = 662804.941	Y = 2191693.413
7	M7	X = 662343.975	Y = 2191684.371	39	M39	X = 662825.163	Y = 2191930.117
8	M8	X = 662356.656	Y = 2191697.157	40	M40	X = 662829.395	Y = 2191932.816
9	M9	X = 662372.421	Y = 2191691.622	41	M41	X = 662854.501	Y = 2191693.513
10	M10	X = 662372.662	Y = 2191674.446	42	M42	X = 662850.480	Y = 2191697.372
11	M11	X = 662385.621	Y = 2191697.143	43	M43	X = 662879.846	Y = 2191687.031
12	M12	X = 662390.024	Y = 2191642.944	44	M44	X = 662869.821	Y = 2191660.591
13	M13	X = 662394.678	Y = 2191642.444	45	M45	X = 662871.948	Y = 2191687.336
14	M14	X = 662420.349	Y = 2191658.916	46	M46	X = 662891.870	Y = 2191687.031
15	M15	X = 662413.833	Y = 2191689.081	47	M47	X = 662895.930	Y = 2191681.552
16	M16	X = 662423.427	Y = 2191677.289	48	M48	X = 662844.103	Y = 2191656.530
17	M17	X = 662430.881	Y = 2191665.672	49	M49	X = 662814.943	Y = 2191601.860
18	M18	X = 662466.117	Y = 2192000.964	50	M50	X = 662813.933	Y = 2191601.332
19	M19	X = 662477.385	Y = 2192014.559	51	M51	X = 662830.255	Y = 2191910.167
20	M20	X = 662510.632	Y = 2192034.593	52	M52	X = 662876.688	Y = 2191691.249
21	M21	X = 662529.632	Y = 2192028.774	53	M53	X = 662923.143	Y = 2191628.143
22	M22	X = 662541.391	Y = 2192038.510	54	M54	X = 662907.799	Y = 2191625.468
23	M23	X = 662335.713	Y = 2192034.112	55	M55	X = 662874.715	Y = 2191684.700
24	M24	X = 662540.385	Y = 2192052.504	56	M56	X = 662849.682	Y = 2191674.959
25	M25	X = 662551.482	Y = 2192059.854	57	M57	X = 662842.168	Y = 2191692.935
26	M26	X = 662559.146	Y = 2192048.158	58	M58	X = 662841.340	Y = 2191691.127
27	M27	X = 662985.380	Y = 2192051.931	59	M59	X = 662840.720	Y = 2191914.650
28	M28	X = 662574.394	Y = 2192040.577	60	M60	X = 662935.991	Y = 2191906.496
29	M29	X = 662567.811	Y = 2192038.289	61	M61	X = 662931.444	Y = 2191698.438
30	M30	X = 662576.453	Y = 2192022.829	62	M62	X = 662863.686	Y = 2191692.560
31	M31	X = 662559.532	Y = 2192014.973	63	M63	X = 662872.078	Y = 2191932.020
32	M32	X = 662549.860	Y = 2192024.886	64	M64	X = 662876.980	Y = 2191935.447

	NHÀ TÀNG		ĐẤT DÀN CỬ CHIA LÒ
	NHÀ CẤP 4		ĐƯỜNG GIAO THÔNG
	CỘT ĐIỆN HẠ THẾ		CÂY XANH
	ĐƯỜNG ĐÁT		BÀI ĐỒ XE
	TƯỜNG GẠCH		THẾ THAO
	LỬA NƯỚC		VƯỜN HOA - CÂY XANH
	CỐI BẮN		RANH GIỚI THIẾT KẾ QUY HOẠCH
	MƯỜNG ĐÁT		
	MỐC TỌA ĐỘ		
	CỘT ĐIỆN CAO THẾ		
	MƯỜNG MÀU		
	MƯỜNG XÂY		

ĐƠN AN - ĐIỀU HÀNH CỤC BỘ MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHỈ THIẾT XÂY DỰNG TỰ LẬP 1/500 KHU DÂN CƯ PHƯỜNG BÌNH GIANG, THÀNH PHỐ THANH HOÁ (Mô đun số: 2072-02-00000 hoặc 2072-02-00000 và 2072-02-00000)			
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN			
BẢN VẼ: QH-03	GHEP: 01 A1	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: ...07-2024
THIẾT KẾ:	KTS. VŨ THƯƠNG HUYNH		
CHỦ TRÌ	KTS. VŨ THƯƠNG HUYNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VŨ THƯƠNG HUYNH		
TRƯỞNG PHÒNG	TRỊNH VĂN HỘI		
GL&K THUẬT	TRỊNH VĂN HỘI		
GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NGUYỄN BÌNH THỌ			



BẢNG TÍNH DIỆN TÍCH KINH DẠ															
MQUOT 2672/QU-UBND ngày 20/03/2019 Số dụng đất được chuyển quyền															
Stt	Lý do cấp	Ký hiệu	Kích thước thửa đất (m)	Số lượng thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Kích thước thửa đất (m)	Số lượng thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú	
	Tổng diện tích				16.825,87				16.825,87					99,61	
1	Đất nông nghiệp	CL		65	3.924,30			65	3.924,30				80,0	3-5	35,32
1.1	Đất nông nghiệp	CL-C		4	300,0			4	300,0				80,0	3-5	1,78
		CL-C-C	14x5,0	2	70,0			2	70,0						
		CL-C-C	16x5,0	2	80,0			2	80,0						
1.2	Đất nông nghiệp	CL-D		9	582,9			9	582,9				80,0	3-5	5,46
		CL-D-D	9x5,3	3	152,1			3	152,1						
		CL-D-D	12x5,0	6	330,8			6	330,8						
1.3	Đất nông nghiệp	CL-E		6	612,4			6	612,4				80,0	3-5	5,61
		CL-E	10x10,3	1	110,2			1	110,2						
		CL-E	9x11,0	4	102,3			4	102,3						
		CL-E	9x14,0	1	93,0			1	93,0						
1.4	Đất nông nghiệp	CL-F		30	3.000,0			30	3.000,0				80,0	3-5	17,87
		CL-F	21x6,0x10,3	12	121,5			12	121,5						
		CL-F-F1	21x6,0	10	108,0			10	108,0						
		CL-F1	16x6,0x10,3	1	91,5			1	91,5						
		CL-F1-F1	16x6,0	8	80,0			8	80,0						
		CL-F1	16x6,0x10,3	1	91,5			1	91,5						
		CL-F1-F1	21x6,0	10	108,0			10	108,0						
		CL-F1	21x6,0x10,3	1	121,5			1	121,5						
1.5	Đất nông nghiệp	CL-G		16	1.421,9			16	1.424,9				80,0	3-5	8,47
		CL-G-G1	30x5,0	4	100,0			4	100,0						
		CL-G	34x5,0x10,3	1	82,3			1	82,3						
		CL-G-G1	14x6,0	9	87,0			9	87,0						
		CL-G-G1	14x6,0	2	79,7			2	79,7						
2	Đất nhà ở	TD-C		17	1.491,70			17	1.454,70		-126,0	80,0	3-5	9,19	
2.1	Đất nhà ở	TD-C-B		17	1.367,3			15	1.241,3		-126,0	80,0	3-5	7,38	
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						
		TD-C-B	8,0x15,0	1	85,0			1	85,0						
		TD-C-B	12,1x12,6x6,0	1	75,0			1	75,0						
		TD-C-B	12,9x13,6x6,0	1	86,8			1	86,8						
		TD-C-B	3x7,0	23	7,50			23	7,50						
		TD-C-B	6,0x15,0	1	90,0			1	90,0						

BẢNG THÔNG KÊ QUÝ HÓA SỬ DỤNG ĐẤT					
Sst	Loại đất	Ký hiệu từ đất	Theo quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 29/9/2018	Sau điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-) (m2)
1	Đất nhà ở chức lù	CL (65 lù)	5.926,30	5.926,30	Giữ nguyên
		CL-C	300,00	300,00	
		CL-D	582,90	582,90	
		CL-E	612,40	612,40	
		CL-F	3.006,00	3.006,00	
		CL-G	1.424,90	1.424,90	
2	Đất tại định cư	TĐC	1.671,70	1.645,70	-126,00
		TĐC-B	1.367,30	1.241,30	Giảm
		TĐC-C	304,40	304,40	Giữ nguyên
3	Vườn hùn-cây xanh	VTCX	333,60	333,60	Giữ nguyên
4	Đất trư	HT		65,60	+65,60
5	Đất hủ đ	P	402,00	402,00	Giữ nguyên
6	Đất gino thừn, lHTK	GT	8.492,47	8.552,87	+60,40
	Tổng:		16.825,87	16.825,87	